

Số: 18/QĐ-TTTN

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn quy trình thực hiện công việc chuyên môn, kỹ thuật của Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025;

- Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026;

- Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc tổ chức lại Trung tâm Bơm tiêu thoát nước đô thị từ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường sang trực thuộc Sở Xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định xác định chi phí và quản lý dịch vụ công lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

- Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật của Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải;

- Theo đề nghị của Phòng Kỹ thuật tại Tờ trình ngày 12 tháng 3 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Sổ tay hướng dẫn quy trình thực hiện công việc chuyên môn, kỹ thuật của Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải.

Điều 2. Nội dung Sổ tay gồm các quy trình sau:

1. Quy trình thực hiện dịch vụ công ích duy trì thoát nước và xử lý nước thải đô thị.

2. Quy trình thực hiện nhiệm vụ có cấu phần xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

3. Quy trình thực hiện nhiệm vụ không có cấu phần xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

4. Quy trình thực hiện gói thầu có giá trị không quá 50 triệu đồng.

Điều 3. Sổ tay hướng dẫn quy trình thực hiện công việc chuyên môn, kỹ thuật là tài liệu lưu hành nội bộ, làm căn cứ để tổ chức thực hiện, kiểm soát tiến độ, chất lượng và nâng cao hiệu quả công việc trong toàn đơn vị.

Điều 4. Trưởng các phòng, bộ phận thuộc Trung tâm và toàn thể viên chức, người lao động trong đơn vị có trách nhiệm nghiêm túc nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện đúng các nội dung quy định trong Sổ tay.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc khi các quy định của pháp luật có sửa đổi, bổ sung, thay thế, các phòng, bộ phận chủ động báo cáo Giám đốc Trung tâm để xem xét, quyết định việc cập nhật, điều chỉnh Sổ tay cho phù hợp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng thuộc Trung tâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Sở Xây dựng (Đề b/c);
- Giám đốc Sở Xây dựng (Đề b/c);
- Đ/c Nguyễn Ngọc Sơn, PGĐ Sở XD (Đề b/c);
- Các phòng: PTĐT, KT-KH Sở XD (Đề p/h);
- TT: GD, các PGĐ, phòng (Đề t/h);
- Lưu: VT, HC-KT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Tùng

SỞ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



SỔ TAY

**HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, KỸ
THUẬT CỦA TRUNG TÂM THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Quyết định số 18 /QĐ-TTTN ngày 17 /3/2026
của Giám đốc Trung tâm thoát nước và xử lý nước thải)*

(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Bắc Ninh, năm 2026

MỤC LỤC

PHẠM VI VÀ CÁCH SỬ DỤNG SỔ TAY	1
1. Phạm vi	1
<i>1.1. Phạm vi áp dụng</i>	1
<i>1.2. Phạm vi không áp dụng</i>	1
2. Cách sử dụng Sổ tay	1
3. Nguyên tắc áp dụng Sổ tay	2
PHẦN A: DANH MỤC HỒ SƠ QUY TRÌNH	3
1. Quy trình thực hiện dịch vụ công ích duy trì thoát nước và xử lý nước thải đô thị	3
2. Quy trình thực hiện nhiệm vụ có cấu phần xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước	16
3. Quy trình thực hiện nhiệm vụ có cấu phần xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước	34
4. Quy trình thực hiện gói thầu có giá không quá 50 triệu đồng	45
PHẦN B: MẪU VĂN BẢN TRONG CÁC QUY TRÌNH THỰC HIỆN	47

PHẠM VI VÀ CÁCH SỬ DỤNG SỔ TAY

1. Phạm vi

1.1. Phạm vi áp dụng

Sổ tay này quy định trình tự, thủ tục và hướng dẫn thực hiện đối với các công việc chuyên môn, kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm Thoát nước và Xử lý nước thải, bao gồm các nội dung sau:

- a) Dịch vụ công ích duy trì thoát nước và xử lý nước thải đô thị.
- b) Nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị không có cấu phần xây dựng, bao gồm các hoạt động mua sắm để bổ sung, thay thế hoặc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- c) Nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (nhiệm vụ có cấu phần xây dựng), bao gồm các công việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới các hạng mục công trình xây dựng, trụ sở làm việc và các cơ sở vật chất hiện có của đơn vị nhằm phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, bao gồm cả việc mua sắm tài sản, trang thiết bị gắn liền với công trình xây dựng.

1.2. Phạm vi không áp dụng

Sổ tay này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Các dự án sử dụng vốn đầu tư công;
- Công tác mua sắm văn phòng phẩm;
- Các hoạt động sửa chữa công cụ, dụng cụ thông thường như: máy in, máy scan, máy tính và các thiết bị văn phòng tương tự.

2. Cách sử dụng Sổ tay

Sổ tay này được xây dựng nhằm hướng dẫn và chuẩn hóa quy trình thực hiện các công việc chuyên môn, kỹ thuật của Trung tâm.

Các quy trình trong Sổ tay được trình bày dưới dạng danh mục hồ sơ và các bước thực hiện công việc, giúp các phòng, bộ phận và cá nhân liên quan dễ dàng tra cứu, áp dụng trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Các biểu mẫu sử dụng trong Sổ tay được xây dựng trên cơ sở các mẫu biểu theo quy định của pháp luật hiện hành và được cụ thể hóa, chi tiết hóa để phù hợp với điều kiện thực tế của Trung tâm.

Trong quá trình thực hiện, các phòng, bộ phận và cá nhân liên quan cần thường xuyên rà soát, đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành nhằm bảo đảm việc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Đối với các nội dung chưa được quy định hoặc chưa đề cập trong Sổ tay, việc thực hiện được áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp các văn bản pháp luật được dẫn chiếu trong Sổ tay này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới, thì việc áp dụng các nội dung liên quan được thực hiện theo quy định của văn bản pháp luật mới.

3. Nguyên tắc áp dụng Sổ tay

3.1. Tuân thủ quy định pháp luật: Việc áp dụng Sổ tay phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính, đầu tư xây dựng, quản lý tài sản công, đấu thầu và các quy định chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.

3.2. Bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền: Các phòng, bộ phận và cá nhân khi thực hiện các quy trình trong Sổ tay phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm rõ trách nhiệm trong từng khâu của quá trình tổ chức thực hiện công việc.

3.3. Công khai, minh bạch và kiểm soát chặt chẽ quy trình: Các bước thực hiện công việc phải được triển khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định trong Sổ tay; bảo đảm tính công khai, minh bạch, dễ kiểm soát và thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện.

3.4. Bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp thực tế: Việc áp dụng các quy trình trong Sổ tay phải bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực, tiết kiệm chi phí, phù hợp với điều kiện thực tế của Trung tâm, đồng thời bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc.

3.5. Cập nhật, điều chỉnh kịp thời: Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi về quy định pháp luật hoặc phát sinh các yêu cầu thực tiễn mới, các phòng, bộ phận có trách nhiệm báo cáo Giám đốc Trung tâm xem xét, quyết định việc cập nhật, điều chỉnh nội dung Sổ tay cho phù hợp.

PHẦN A: DANH MỤC HỒ SƠ QUY TRÌNH

1. Quy trình thực hiện dịch vụ công ích duy trì thoát nước và xử lý nước thải đô thị

Số TT	Nội dung công việc <i>(Theo trình tự thực hiện)</i>	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
1	Văn bản giao quản lý tài sản, danh mục tài sản	UBND tỉnh		
2	Quyết định ban hành danh mục dịch vụ công	UBND tỉnh		QĐ 456/2025/QĐ-UBND
3	Quyết định ban hành đơn giá dịch vụ công	UBND tỉnh		QĐ 555/2025/QĐ-UBND
4	Quy trình vận hành trạm bơm, trạm xử lý nước thải, cửa phai, hệ thống cống...	Trung tâm		
5	Kế hoạch vận hành hoặc nạo vét hằng năm	Phòng vận hành; Trung tâm		
	Gói thầu tư vấn lập dự toán			
6	Nhiệm vụ tư vấn lập dự toán	Phòng kỹ thuật; Trung tâm	Vận dụng Mẫu số 03b/TTN (Theo Điều 30; 36 Nghị định 175/2024)	
7	Tờ trình phê duyệt Nhiệm vụ tư vấn lập dự toán	Trung tâm		
8	Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ tư vấn lập dự toán	Trung tâm	Mẫu số 01/DVCI	
9	Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Phòng kỹ thuật	Mẫu số 02A thông tư 79/2025/TT-BTC	
10	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Trung tâm	Mẫu số 02B thông tư 79/2025/TT-BTC	
11	Kết quả đăng tải công khai trên hệ thống	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
12	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
13	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
14	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		
15	Thương thảo, hoàn thiện tư vấn	Trung tâm; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC	
16	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
17	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
18	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
19	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
20	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	Gói thầu tư vấn thẩm tra dự toán			

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
21	Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Phòng kỹ thuật	Mẫu số 02A thông tư 79/2025/TT-BTC	
22	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Trung tâm	Mẫu số 02B thông tư 79/2025/TT-BTC	
23	Kết quả đăng tải công khai trên hệ thống	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
24	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
25	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
26	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		
27	Thương thảo, hoàn thiện tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC	
28	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
29	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
30	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
31	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
32	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a	Trung tâm, Tư vấn	Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP	
	Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a	Trung tâm, Tư vấn	Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP	
	Hồ sơ Dự toán			
33	Công văn đề nghị chấp thuận bãi đổ thải	Trung tâm		
34	Công văn chấp thuận bãi đổ thải	UBND phường xã, Công ty quản lý bãi thải...		
35	Hồ sơ dự toán DVCI	Đơn vị tư vấn; có xác nhận của TT	Thông tư 12/2024/TT-BXD	
36	Báo cáo kết quả thẩm tra dự toán	Trung tâm, Tư vấn		
37	Công văn đề nghị tham gia ý kiến thẩm định	Trung tâm		
38	Công văn tham gia ý kiến thẩm định	Sở Xây dựng; Sở NN&MT; UBND phường xã....		
39	Quyết định phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị	Trung tâm	Mẫu số 02/DVCI	Trước 30/9 hằng năm
40	Báo cáo tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I	Trung tâm		Trước 30/9 hằng năm
41	Báo cáo tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền	Sở Xây dựng		Trước 30/9 hằng năm
42	Quyết định giao dự toán cho đơn vị dự toán cấp I	UBND tỉnh		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
43	Quyết định giao dự toán ngân sách cho đơn vị sử dụng ngân sách	Sở Xây dựng		
	Kế hoạch LCNT tổng thể			
44	Tờ trình thẩm định KHLCNT	Phòng kỹ thuật	Mẫu số 02A TT79/TT-BTC	
45	Báo cáo thẩm định kế hoạch LCNT	Phòng HC-KT	Mẫu số 02B TT22/2024/TT-BKHDT	
46	Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT	Trung tâm	Mẫu số 02B TT79/TT-BTC	
47	Kết quả đăng tải công khai lên mạng đấu thầu	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
48	Quyết định thành lập tổ, phân công nhiệm vụ của cá nhân tham gia quản lý, giám sát	Trung tâm	Mẫu số 03/DVCI	Trường hợp thuê tư vấn giám sát thì tổ chức lựa chọn nhà thầu áp dụng quy trình chỉ định thầu tư vấn
	TRƯỜNG HỢP TỰ THỰC HIỆN DVCI			
49	Công văn giao lập phương án tự thực hiện	Trung tâm		
50	Phương án tự thực hiện	Phòng vận hành; Trung tâm	Mẫu số 04/DVCI (theo điều 143 NBĐ 214/2025/NĐ-CP)	
51	Quyết định phê duyệt phương án tự thực hiện	Trung tâm	Mẫu số 05/DVCI	
52	Văn bản giao việc	Trung tâm	Mẫu số 06/DVCI	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
	TRƯỜNG HỢP ĐÀU THẦU RỘNG RÃI DVCI			Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu trên 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu trên 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu trên 02 tỷ đồng
	Gói thầu Tư vấn lập E-HSMT (đấu thầu rộng rãi)			
53	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
54	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
55	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		
56	Thương thảo, hoàn thiện tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC	
57	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
58	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 02/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
59	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
60	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
61	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ- 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
62	Hóa đơn	Tư vấn		
63	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	Gói thầu Tư vấn thẩm định E-HSMT, KQLCNT (đấu thầu rộng rãi)			
64	Hợp đồng tư vấn Tư vấn thẩm định E-HSMT, KQLCNT			
65	Hồ sơ năng lực	tư vấn		
66	Dự thảo hợp đồng tư vấn		Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
67	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
68	Thương thảo, hoàn thiện tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC Mẫu biên bản thương thảo hợp đồng	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
69	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
70	Báo cáo thẩm định KQLCNT tư vấn	Phòng HC-KT	Mẫu số 3C TT80/2025/TT-BTC	
71	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Theo quy định tại khoản 3, điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP	
72	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
73	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn		
74	Thanh, quyết toán Hợp đồng			
75	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
76	Hóa đơn	Tư vấn		
77	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	Gói thầu Thi công (đấu thầu rộng rãi)			

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
78	Quyết định thành lập tổ chuyên gia đấu thầu	Tư vấn		
79	QĐ thành lập tổ thẩm định đấu thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	Tư vấn		
80	E-HSMT gói thầu Thi công	Tổ chuyên gia, Tư vấn		
	Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT	Tổ chuyên gia	Phụ lục 01A thông tư 79/2025/TT-BTC	
81	Báo cáo thẩm định E-HSMT	Tổ thẩm định	Mẫu số 03A Thông tư 80/2025/TT-BTC	
82	Quyết định phê duyệt E-HSMT	Trung tâm	Phụ lục 1B Thông tư 79/2025/TT-BTC	
83	Thông báo mời thầu	Trung tâm		
84	Điều chỉnh E-HSMT (nếu có)	Tư vấn đấu thầu		
85	CV đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh nội dung giá gói thầu	Tư vấn đấu thầu		
86	E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn đấu thầu		
87	Báo cáo thẩm định E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn		
88	CV đề nghị phê duyệt E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn		
89	Quyết định phê duyệt E-HSMT điều chỉnh	Trung tâm		
90	Biên bản mở thầu	Hệ thống đấu thầu		
91	Công văn làm rõ E-HSDT (nếu có)	Trung tâm		
92	Công văn gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu	Trung tâm		Phải trong thời hạn hiệu lực HSDT
93	Gia hạn bảo lãnh dự thầu tương ứng	Ngân hàng của nhà thầu		Phải trong thời hạn hiệu lực HSDT
94	Báo cáo đánh giá HSDT	Tư vấn		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
95	Biên bản đối chiếu tài liệu	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục 4A thông tư 79/2025/TT-BTC	
96	Biên bản thương thảo hợp đồng	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục 4B thông tư 79/2025/TT-BTC	
97	Báo cáo thẩm định kết quả LCNT	Tổ thẩm định		
98	Quyết định phê duyệt kết quả LCNT	Trung tâm	Phụ lục 5 Thông tư 79/2025/TT-BTC	
99	Thông báo kết quả LCNT	Trung tâm		
100	Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Trung tâm		
101	Hợp đồng thi công; Các phụ lục điều chỉnh bổ sung hoặc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu (nếu có)	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục I Thông tư 02/2023/TT-BXD	Ghi rõ thời hạn thực hiện gói thầu; ghi rõ ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực
102	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	Ngân hàng của nhà thầu		
103	Bảo lãnh tạm ứng	Ngân hàng của nhà thầu		Phải thu hồi hết tạm ứng khi thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng
	Hồ sơ quản lý chất lượng	Trung tâm, Nhà thầu, Đơn vị giám sát		
105	Lịch trực vận hành hằng tháng	Phòng vận hành; Trung tâm		trước ngày 29 hằng tháng
106	Sổ nhật ký (đóng dấu giáp lai của Trung tâm)	Nhà thầu hoặc phòng vận hành tự tổ chức ghi sổ nhật ký và nghiệm thu nội bộ; có xác nhận của Trung tâm ở trang bìa		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
	Sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải		Mẫu số 07/DVCI	
	Sổ nhật ký vận hành trạm bơm nước mưa		Mẫu số 08/DVCI	
	Sổ nhật ký nạo vét cống, hố ga		Mẫu số 09/DVCI	
107	Kết quả đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết quả thực hiện DVCI	Đơn vị thí nghiệm, quan trắc		
108	Kết quả hiệu chuẩn, kiểm định máy móc, thiết bị phục vụ DVCI	Đơn vị hiệu chuẩn, kiểm định		
109	Biên bản làm việc hiện trường (nếu có)	Trung tâm; Trạm; Phòng kỹ thuật, Nhà thầu hoặc phòng vận hành		
110	Báo cáo định kỳ theo tháng	Trạm; Nhà thầu hoặc phòng vận hành		
111	Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành tháng (có bảng xác nhận khối lượng hoàn thành kèm theo)	Trung tâm; Trạm; Kỹ thuật của nhà thầu hoặc phòng vận hành; giám sát của phòng kỹ thuật hoặc đơn vị giám sát	Mẫu số 10/DVCI	ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo
112	Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành quý (có bảng xác nhận khối lượng hoàn thành kèm theo)	Trung tâm; Trạm; Kỹ thuật của nhà thầu hoặc phòng vận hành; giám sát của phòng kỹ thuật hoặc đơn vị giám sát	Mẫu số 10/DVCI	ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo tháng cuối quý
113	Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành năm (có bảng xác nhận khối lượng hoàn thành kèm theo)	Trung tâm; Trạm; Phòng kỹ thuật hoặc đơn vị giám sát;	Vận dụng Mẫu số 04 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP	tuần đầu tiên của năm tiếp theo

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
		nhà thầu hoặc phòng vận hành		
114	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành</i>	<i>Trung tâm; Đơn vị giám sát, Nhà thầu hoặc phòng vận hành</i>	<i>Theo khoản 6 Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Nhà thầu</i>	<i>Mẫu số 05 -TT thông tư 133/2016/TT-BTC</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, nhà thầu hoặc phòng vận hành</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, nhà thầu hoặc phòng vận hành</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
115	Hóa đơn	Nhà thầu		
116	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Nhà thầu		
	Quyết toán			
117	Hồ sơ quyết toán hợp đồng A-B các gói thầu	Trung tâm; nhà thầu		
118	Báo cáo tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm	Trung tâm		
119	Tất toán công nợ	Trung tâm; nhà thầu		

Số TT	Nội dung công việc <i>(Theo trình tự thực hiện)</i>	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
120	Kết luận thanh tra, kiểm toán	Cơ quan thẩm quyền		

2. Quy trình thực hiện nhiệm vụ có cấu phần xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
	Chủ trương			
1	Kế hoạch bảo trì máy móc, thiết bị, công trình (nếu có)			Trước 30/8 hằng năm
2	Báo cáo của tổ trực tiếp vận hành	Tổ vận hành		
3	Biên bản kiểm tra sơ bộ các nội dung, khối lượng nhiệm vụ cần thực hiện	Phòng vận hành, Phòng kỹ thuật, Trạm trưởng	Mẫu số 01/TTTN	
4	Đơn đề xuất có chấp thuận của lãnh đạo Trung tâm	Phòng vận hành, Trung tâm	Mẫu số 02/TTTN	
5	Công văn xin chủ trương thực hiện và bố trí kinh phí	Trung tâm		
6	Công văn chấp thuận chủ trương thực hiện và bố trí kinh phí	Sở Xây dựng		
7	Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	Trung tâm	Mẫu số 03/TTTN (Điều 8 Nghị định 98/2025/NĐ-CP)	
8	Tờ trình phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	Trung tâm		
9	Tờ trình phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	Sở Xây dựng		
10	Tờ trình phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	Sở Tài chính		
11	Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	UBND tỉnh		
12	Báo cáo tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I	Trung tâm		
13	Báo cáo tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền	Sở Xây dựng		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
14	Quyết định giao dự toán cho đơn vị dự toán cấp I	UBND tỉnh		
15	Quyết định giao dự toán ngân sách cho đơn vị sử dụng ngân sách	Sở Xây dựng		
	Gói thầu KS & BC KTKT			Đối với nhiệm vụ có dự toán kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Không thực hiện lập BCKTKT mà chỉ cần lập thiết kế BVTC-dự toán
16	Nhiệm vụ lập Báo cáo KTKT	Phòng kỹ thuật; Trung tâm	Mẫu số 04/TTN (Theo Điều 30; 36 Nghị định 175/2024)	
17	Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập Báo cáo KTKT	Phòng HC-KT		
18	Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ lập Báo cáo KTKT	Trung tâm	Mẫu số 05/TTN	
19	Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Phòng kỹ thuật	Mẫu số 02A thông tư 79/2025/TT-BTC	
20	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Trung tâm	Mẫu số 02B thông tư 79/2025/TT-BTC	
21	Kết quả đăng tải công khai trên hệ thống	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
22	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
23	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
24	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		
25	Thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng tư vấn	Trung tâm; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
26	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
27	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
28	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
29	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
30	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
31	Hóa đơn	Tư vấn		
32	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	Hồ sơ khảo sát			
33	Phương án kỹ thuật khảo sát, dự toán khảo sát địa hình	Trung tâm, Tư vấn	Mẫu số 09/TTTN (Theo Điều 31 Nghị định 175/2024)	
34	Quyết định phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát	Trung tâm	<i>Mẫu số 09/TTTN</i>	
35	Nhật ký khảo sát	Trung tâm, Tư vấn		
36	Báo cáo khảo sát	Trung tâm, Tư vấn	Mẫu số 10/TTTN (Theo Điều 33 Nghị định 175/2024)	
37	Biên bản nghiệm thu khảo sát	Trung tâm, Tư vấn		
	Hồ sơ thỏa thuận			

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
38	Văn bản đề nghị, chấp thuận đầu nôi thoát nước mưa, thoát nước thải	Trung tâm, cơ quan thẩm quyền		
39	Văn bản đề nghị, chấp thuận bãi đổ thải	Trung tâm, cơ quan thẩm quyền		
40	Văn bản đề nghị, chấp thuận PCCC	Trung tâm, cơ quan thẩm quyền		
41	Văn bản đề nghị, chấp thuận đầu nôi cấp điện, dịch chuyên, hoàn trả điện	Trung tâm, cơ quan thẩm quyền		
42	Văn bản đề nghị, chấp thuận đầu nôi cấp nước	Trung tâm, cơ quan thẩm quyền		
43	Văn bản đề nghị, chấp thuận đầu nôi nút giao, xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông	Trung tâm, cơ quan thẩm quyền		
44	Văn bản đề nghị, chấp thuận xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng thủy lợi	Trung tâm, cơ quan thẩm quyền		
45	Văn bản đề nghị, chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt chuyên lúa nước (nếu có)	Trung tâm, cơ quan thẩm quyền		
	Phê duyệt giá (ngoài công bố giá)			
46	03 báo giá (đối với danh mục thiết bị không có trong công bố giá)	Các nhà cung cấp		
47	Tờ trình phê duyệt giá thiết bị (nếu không có giá trong CBG của Liên Sở XD-TC)	Phòng kỹ thuật		
48	Báo cáo thẩm định giá thiết bị	Phòng HC-KT	Mẫu số 11/TTTN (Theo chương II thông tư 30/2024/TT-BTC)	
49	QĐ phê duyệt giá thiết bị	Trung tâm	Mẫu số 12/TTTN	
	Gói thầu Thẩm tra			Đối với nhiệm vụ có dự toán kinh phí thực hiện dưới 500

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
				triệu đồng; Không thực hiện thẩm tra
50	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
51	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
52	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		
53	Thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
54	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
55	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
56	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
57	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
58	Hóa đơn	Tư vấn		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
59	Báo cáo thẩm tra	Tư vấn	Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 175/2024	
	Thẩm định, phê duyệt BCKTKT			
60	Tờ trình thẩm định BCKTKT	Trung tâm	Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 175/2024	
61	Công văn đề nghị tham gia lý kiến của các Sở chuyên ngành (nếu có)	Cơ quan chủ trì thẩm định		
62	Công văn tham gia lý kiến của các Sở chuyên ngành	các Sở chuyên ngành		
63	Thông báo kết quả thẩm định BCKTKT	Cơ quan chủ trì thẩm định	Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định 175/2024	
64	Tờ trình phê duyệt BC KTKT	Cơ quan chủ trì thẩm định		
65	Quyết định phê duyệt BCKTKT	Sở Xây dựng	Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định 175/2024	
66	Thông báo nghiệm thu hồ sơ BCKTKT			
67	Thuyết minh BC KTKT	Trung tâm, Tư vấn		Đối với nhiệm vụ có dự toán kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Không thực hiện lập BCKTKT
68	Thuyết minh thiết kế	Trung tâm, Tư vấn		
69	Tổng mức đầu tư	Trung tâm, Tư vấn		
70	Bản vẽ thiết kế	Trung tâm, Tư vấn		
	Bước dự án điều chỉnh điều chỉnh (nếu có)			
71	Biên bản làm việc hiện trường	Trung tâm; TVTK, QLDA, Đơn vị giám sát, nhà thầu		
72	Báo cáo đánh giá đầu tư khi điều chỉnh dự án	Trung tâm	Mẫu 05 Thông tư 05/2025/TT-BKHDT	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
73	Công văn xin điều chỉnh	Trung tâm		
74	Công văn chấp thuận điều chỉnh, bổ sung BCKTKT	Sở Xây dựng		
75	Tờ trình thẩm định điều chỉnh BCKTKT	Trung tâm		
76	Kết quả thẩm định điều chỉnh BCKTKT	Cơ quan chủ trì thẩm định		
77	Quyết định phê duyệt điều chỉnh BCKTKT	Sở Xây dựng		
78	Thuyết minh BC KTKT điều chỉnh	Trung tâm, Tư vấn		
79	Thuyết minh thiết kế điều chỉnh	Trung tâm, Tư vấn		
80	Tổng mức đầu tư của dự án điều chỉnh	Trung tâm, Tư vấn		
81	Bản vẽ thiết kế điều chỉnh	Trung tâm, Tư vấn		
	Kế hoạch LCNT tổng thể			
82	Tờ trình thẩm định KHLCNT	Phòng kỹ thuật	Mẫu số 02A TT79/TT-BTC	
83	Báo cáo thẩm định kế hoạch LCNT	Phòng HC-KT	Mẫu số 02B TT22/2024/TT-BKHDT	
84	Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT	Trung tâm	Mẫu số 02B TT79/TT-BTC	
85	Kết quả đăng tải công khai lên mạng đấu thầu	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
	Gói thầu QLDA			Đối với nhiệm vụ có dự toán kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Không thực hiện gói thầu QLDA
86	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Phòng kỹ thuật	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
87	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
88	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
89	Thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư; Tư vấn	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
90	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
91	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
92	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
93	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn		
94	Quyết định phân công nhiệm vụ của cá nhân tham gia QLDA	Tư vấn		
95	Biên bản nghiệm thu tư vấn	Trung tâm, Tư vấn		
96	Báo cáo QLDA (định kỳ)	Tư vấn		
97	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
98	Hóa đơn	Tư vấn		
99	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	Gói thầu TVGS xây dựng			

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
100	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
101	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
102	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		
103	Thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
104	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
105	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
106	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
107	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn		
108	Đề cương giám sát thi công xây dựng công trình	Tư vấn		
109	Quyết định phân công nhiệm vụ của cá nhân tham gia giám sát	Tư vấn		
110	Báo cáo giám sát thi công xây dựng công trình (định kỳ)	Tư vấn		
111	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
112	Hóa đơn	Tư vấn		
113	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐỊNH THẦU THI CÔNG			Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng
	Gói thầu thi công (chỉ định thầu)			
114	Dự thảo hợp đồng thi công	Phòng kỹ thuật	Phụ lục I thông tư 02/2023/TT-BXD	
115	Thư mời tham gia gói thầu thi công	Phòng kỹ thuật		
116	Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân	Nhà thầu		
117	Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng	Trung tâm; nhà thầu	Phụ lục 4B thông tư 79/2025/TT-BTC	
118	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT	Phòng kỹ thuật		
119	QĐ Phê duyệt KQLCNT nhà thầu	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
120	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
121	Hợp đồng thi công	Trung tâm; nhà thầu	Phụ lục I thông tư 02/2023/TT-BXD	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
	TRƯỜNG HỢP ĐẦU THẦU RỘNG RÃI THI CÔNG			Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu trên 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu trên 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu trên 02 tỷ đồng
	Gói thầu Tư vấn lập E-HSMT (đấu thầu rộng rãi)			
122	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
123	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
124	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		
125	Thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
126	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
127	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
128	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
129	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
130	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT ND 254/2025/ND-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/ND-CP; Mẫu số 03.a/TT ND-254/2025/ND-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/ND-CP; Mẫu số 03.c/QT ND 254/2025/ND-CP</i>	
131	Hóa đơn	Tư vấn		
132	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	Gói thầu Tư vấn thẩm định E-HSMT, KQLCNT (đấu thầu rộng rãi)			
120	Hợp đồng tư vấn Tư vấn thẩm định E-HSMT, KQLCNT			
121	Hồ sơ năng lực	tư vấn		
122	Dự thảo hợp đồng tư vấn		Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
123	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
124	Thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
125	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
127	QĐ Phê duyệt KQLCNT	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/ND-CP)	
128	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
129	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
130	Thanh, quyết toán Hợp đồng			
131	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
132	Hóa đơn	Tư vấn		
133	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	Gói thầu Thi công xây dựng (đấu thầu rộng rãi)			
134	Quyết định thành lập tổ chuyên gia đấu thầu	Tư vấn		
135	QĐ thành lập tổ thẩm định đấu thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	Tư vấn		
136	E-HSMT gói thầu Thi công xây dựng công trình	Tổ chuyên gia		
	Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT	Tổ chuyên gia	Phụ lục 01A thông tư 79/2025/TT-BTC	
137	Báo cáo thẩm định E-HSMT	Tổ thẩm định	Mẫu số 03A Thông tư 80/2025/TT-BTC	
138	Quyết định phê duyệt E-HSMT	Trung tâm	Phụ lục 1B Thông tư 79/2025/TT-BTC	
139	Thông báo mời thầu	Trung tâm		
140	Điều chỉnh E-HSMT (nếu có)	Tư vấn đấu thầu		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
141	CV đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh nội dung giá gói thầu	Tư vấn đấu thầu		
142	E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn đấu thầu		
143	Báo cáo thẩm định E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn		
144	CV đề nghị phê duyệt E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn		
145	Quyết định phê duyệt E-HSMT điều chỉnh	Trung tâm	Phụ lục 1B Thông tư 79/2025/TT-BTC	
146	Biên bản mở thầu	Hệ thống đấu thầu		
147	Công văn làm rõ E-HSDT (nếu có)	Trung tâm		
148	Công văn gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu	Trung tâm		Phải trong thời hạn hiệu lực HSDT
149	Gia hạn bảo lãnh dự thầu tương ứng	Ngân hàng của nhà thầu		Phải trong thời hạn hiệu lực HSDT
150	Báo cáo đánh giá HSDT	Tư vấn		
151	Biên bản đối chiếu tài liệu	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục 4A thông tư 79/2025/TT-BTC	
152	Biên bản thương thảo hợp đồng	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục 4B thông tư 79/2025/TT-BTC	
153	Báo cáo thẩm định kết quả LCNT	Tổ thẩm định	Mẫu số 3C TT80/2025/TT-BTC	
154	Quyết định phê duyệt kết quả LCNT	Trung tâm	Phụ lục 5 Thông tư 79/2025/TT-BTC	
155	Thông báo kết quả LCNT	Trung tâm		
156	Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Trung tâm		
157	Hợp đồng thi công xây dựng công trình; Các phụ lục điều chỉnh bổ sung hoặc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu (nếu có)	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục I thông tư 02/2023/TT-BXD	Ghi rõ thời hạn thực hiện gói thầu; ghi rõ ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực
158	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	Ngân hàng của nhà thầu		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
159	Bảo lãnh tạm ứng	Ngân hàng của nhà thầu		Phải thu hồi hết tạm ứng khi thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng
	Hồ sơ quản lý chất lượng			
160	Biên bản bàn giao mặt bằng, mốc thi công	Trung tâm; TVTK, Đơn vị giám sát, nhà thầu		
161	Biên bản kiểm tra máy móc thiết bị	Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu		
162	Biên bản kiểm tra nhận sự	Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu		
163	Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường	Nhà thầu		
164	Chấp thuận các nguồn cung vật liệu	Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu		
165	Biện pháp thi công, tiến độ thi công	Trung tâm; nhà thầu		
166	Kế hoạch ATLĐ, PCCC và VSMT	Trung tâm; nhà thầu		
167	Kế hoạch thí nghiệm	Trung tâm; nhà thầu		
168	Kế hoạch nghiệm thu	Trung tâm; nhà thầu		
169	Biên bản kiểm tra phòng thí nghiệm	Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu		
170	Biên bản kiểm tra điều kiện khởi công	Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu		
171	Thông báo khởi công	Trung tâm		
172	Giấy mời khởi công	Trung tâm		
173	Nhật ký thi công	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp	Mẫu số 10 (Theo PHỤ LỤC IIA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
174	Hồ sơ chất lượng CO, CQ vật liệu đầu vào (nếu có)	Nhà cung cấp		
175	Chứng chỉ xuất xưởng vật liệu đầu vào (nếu có)	Nhà cung cấp		
176	Tập BB lấy mẫu, Kết quả thí nghiệm vật liệu đầu vào (nếu có)	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp		
177	Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp		
178	Tập BB lấy mẫu, Kết quả thí nghiệm công việc	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp		
179	Biên bản nghiệm thu công việc	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp	Mẫu số 13/TTTTN	
180	Biên bản nghiệm thu giai đoạn	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp	Mẫu số 14/TTTTN	
181	Hồ sơ bản vẽ hoàn công	Chỉ huy trưởng và giám sát trưởng	PHỤ LỤC IIB Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	
182	Sổ nhật ký chạy thử thiết bị	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp		
183	BB nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp		
184	BB nghiệm thu chạy thử đơn động, liên động thiết bị	Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
185	Biên bản làm việc hiện trường	Trung tâm; Đơn vị giám sát, TVTK, nhà thầu	Mẫu số 15/TTTTN	
186	Chấp thuận đấu nối cấp nước	Cơ quan thẩm quyền		
187	Chấp thuận đấu nối thoát nước	Cơ quan thẩm quyền		
188	Chấp thuận nghiệm thu PCCC	Cơ quan thẩm quyền		
189	Chấp thuận nghiệm thu đóng điện	Cơ quan thẩm quyền		
190	Nghiệm thu vận hành thử và xác nhận hoàn thành đối với trạm xử lý nước thải...	Sở NN&MT		
191	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình	Trung tâm; TVTK, QLDA, Đơn vị giám sát, nhà thầu	Mẫu số 16/TTTTN	Phải trong thời hạn thực hiện gói thầu
192	Báo cáo của Nhà thầu (định kỳ)	Nhà thầu		
193	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành</i>	<i>Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu</i>		
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Nhà thầu</i>	<i>Mẫu số 05 -TT thông tư 133/2016/TT-BTC</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT ND 254/2025/ND-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, nhà thầu</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/ND-CP; Mẫu số 03.a/TT ND-254/2025/ND-CP</i>	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, nhà thầu</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
194	Hóa đơn	Nhà thầu		
195	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Nhà thầu		
	Quyết toán			
196	Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng	Trung tâm, nhà thầu, đơn vị sử dụng	Mẫu số 17/TTTN	
197	Hồ sơ quyết toán hợp đồng A-B các gói thầu	Trung tâm; nhà thầu		
198	Báo cáo quyết toán	Trung tâm	Điều 4, Thông tư 91/2025/TT-BTC	Đối với nhiệm vụ có dự toán kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Các cơ quan, đơn vị tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định của pháp luật về quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán và các văn bản hướng dẫn.
199	Tờ trình phê duyệt quyết toán	Trung tâm		
200	Báo cáo thẩm tra quyết toán	Sở Tài chính		
201	Quyết định phê duyệt quyết toán	Sở Xây dựng		
202	Tắt toán công nợ	Trung tâm; nhà thầu		
203	Hồ sơ bảo hành (nếu có)	Nhà thầu		
204	Bảo lãnh bảo hành	Ngân hàng của nhà thầu		
205	Biên bản kiểm tra, xác nhận hoàn thành bảo hành công trình	Trung tâm, nhà thầu, đơn vị sử dụng		
206	Kết luận thanh tra, kiểm toán	Cơ quan thẩm quyền		

3. Quy trình thực hiện nhiệm vụ có cấu phần xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
	Chủ trương			
1	Kế hoạch bảo trì máy móc, thiết bị, công trình (nếu có)	Phòng vận hành; Trung tâm		Trước 30/8 hằng năm
2	Báo cáo của tổ trực tiếp vận hành	Tổ vận hành		
3	Biên bản kiểm tra sơ bộ các nội dung, khối lượng thiết bị, máy móc cần sửa chữa	Phòng vận hành, Phòng kỹ thuật, Trạm trưởng	Mẫu số 01/TTTN	
4	Đơn đề xuất sửa chữa có chấp thuận của lãnh đạo Trung tâm	Phòng vận hành, Trung tâm	Mẫu số 02/TTTN	
5	Công văn xin chủ trương thực hiện và bố trí kinh phí sửa chữa	Trung tâm		
6	Công văn chấp thuận chủ trương thực hiện và bố trí kinh phí sửa chữa	Sở Xây dựng		
7	Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	Trung tâm	Mẫu số 03/TTTN (Điều 8 Nghị định 98/2025/NĐ-CP)	
8	Tờ trình phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	Trung tâm		
9	Tờ trình phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	Sở Xây dựng		
10	Tờ trình phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	Sở Tài chính		
11	Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ	UBND tỉnh		
12	Báo cáo tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I	Trung tâm		
13	Báo cáo tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền	Sở Xây dựng		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
14	Quyết định giao dự toán cho đơn vị dự toán cấp I	UBND tỉnh		
15	Quyết định giao dự toán ngân sách cho đơn vị sử dụng ngân sách	Sở Xây dựng		
	Phê duyệt giá (ngoài công bố giá)			Trường hợp không thuê tư vấn thẩm định giá
16	03 báo giá (đối với danh mục thiết bị không có trong công bố giá)	Các nhà cung cấp		
17	Tờ trình phê duyệt giá thiết bị (nếu không có giá trong CBG của Liên Sở XD-TC)	Phòng kỹ thuật		
18	Báo cáo thẩm định giá thiết bị	Phòng HC-KT	Mẫu số 11/TTTN (Theo chương II thông tư 30/2024/TT-BTC)	
19	QĐ phê duyệt giá thiết bị	Trung tâm	Mẫu số 12/TTTN	
	Gói thầu tư vấn thẩm định giá			Trường hợp thuê tư vấn thẩm định giá
20	Nhiệm vụ thẩm định giá	Phòng kỹ thuật; Trung tâm		
21	Báo cáo thẩm định nhiệm vụ thẩm định giá	Phòng HC-KT		
22	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thẩm định giá	Trung tâm		
23	Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Phòng kỹ thuật	Mẫu số 02A thông tư 79/2025/TT-BTC	
24	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Trung tâm	Mẫu số 02B thông tư 79/2025/TT-BTC	
25	Kết quả đăng tải công khai trên hệ thống			Đăng tải trong 05 ngày làm việc
26	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
27	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
28	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
29	Thương thảo, hoàn thiện tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC	
30	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
31	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 04/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
32	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
33	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
34	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
35	Hóa đơn	Tư vấn		
36	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
37	Chứng thư thẩm định giá	Tư vấn	Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Hồ sơ thẩm định giá Thông tư 30/2024/TT-BTC	
	Thẩm định, phê duyệt dự toán			
38	Tờ trình thẩm định dự toán	Phòng kỹ thuật		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
39	Thông báo kết quả thẩm định dự toán	Phòng HC-KT	Mẫu số 06 Phụ lục X Thông tư 11/2021	
40	Tờ trình phê duyệt dự toán	Phòng kỹ thuật		
41	Quyết định phê duyệt dự toán	Trung tâm	Vận dụng Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định 175/2024	
42	Hồ sơ dự toán	Trung tâm, Tư vấn		
	Kế hoạch LCNT tổng thể			
43	Tờ trình thẩm định KHLCNT	Phòng kỹ thuật	Mẫu số 02A TT79/TT-BTC	
44	Báo cáo thẩm định kế hoạch LCNT	Phòng HC-KT	Mẫu số 02B TT22/2024/TT-BKHDT	
45	Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT	Trung tâm	Mẫu số 02B TT79/TT-BTC	
46	Kết quả đăng tải công khai lên mạng đấu thầu	Phòng kỹ thuật		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
	TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐỊNH THẦU THI CÔNG			Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng
	Gói thầu thi công (chỉ định thầu)			
47	Dự thảo hợp đồng thi công	Phòng kỹ thuật	Thông tư 02/2023/TT-BXD	
48	Thư mời tham gia gói thầu thi công	Phòng kỹ thuật		
49	Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân	Nhà thầu		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
50	Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng	Trung tâm; nhà thầu	Phụ lục 4B thông tư 79/2025/TT-BTC	
51	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT	Phòng kỹ thuật		
52	QĐ Phê duyệt KQLCNT các gói thầu	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
53	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
54	Hợp đồng thi công	Trung tâm; nhà thầu	Phụ lục I Thông tư 02/2023/TT-BXD	
	TRƯỜNG HỢP ĐÀU THẦU RỘNG RÃI THI CÔNG			Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu trên 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu trên 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu trên 02 tỷ đồng
	Gói thầu Tư vấn lập E-HSMT (đấu thầu rộng rãi)			
55	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
56	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		
57	Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề	Tư vấn		
58	Thương thảo, hoàn thiện tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC	
59	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
60	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	
61	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
62	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
63	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
64	Hóa đơn	Tư vấn		
65	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	Gói thầu Tư vấn thẩm định E-HSMT, KQLCNT (đấu thầu rộng rãi)			
66	Hợp đồng tư vấn Tư vấn thẩm định E-HSMT, KQLCNT			
67	Hồ sơ năng lực	Tư vấn		
68	Dự thảo hợp đồng tư vấn	Trung tâm	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	
69	Thư mời tham gia gói thầu tư vấn	Trung tâm		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
70	Thương thảo, hoàn thiện tư vấn	Chủ đầu tư; nhà thầu	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC Mẫu biên bản thương thảo hợp đồng	
71	Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT gói thầu tư vấn	Phòng kỹ thuật		
72	Báo cáo thẩm định KQLCNT tư vấn	Phòng HC-KT	Mẫu số 3C TT80/2025/TT-BTC	
73	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn	Trung tâm	Theo quy định tại khoản 3, điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP	
74	Bản đăng tải KQLCNT trên mạng	Trung tâm		Đăng tải trong 05 ngày làm việc
75	Hợp đồng tư vấn	Trung tâm, Tư vấn		
76	Thanh, quyết toán Hợp đồng			
77	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 07/TTN</i>	
	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
78	Hóa đơn	Tư vấn		
79	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Tư vấn		
	Gói thầu Thi công (đấu thầu rộng rãi)			
80	Quyết định thành lập tổ chuyên gia đấu thầu	Tư vấn		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
81	QĐ thành lập tổ thẩm định đấu thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	Tư vấn		
82	E-HSMT gói thầu Thi công	Tổ chuyên gia, Tư vấn		
	Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT	Tổ chuyên gia	Phụ lục 01A thông tư 79/2025/TT-BTC	
83	Báo cáo thẩm định E-HSMT	Tổ thẩm định	Mẫu số 03A Thông tư 80/2025/TT-BTC	
84	Quyết định phê duyệt E-HSMT	Trung tâm	Phụ lục 1B Thông tư 79/2025/TT-BTC	
85	Thông báo mời thầu	Trung tâm		
86	Điều chỉnh E-HSMT (nếu có)	Tư vấn đấu thầu		
87	CV đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh nội dung giá gói thầu	Tư vấn đấu thầu		
88	E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn đấu thầu		
89	Báo cáo thẩm định E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn		
90	CV đề nghị phê duyệt E-HSMT điều chỉnh	Tư vấn		
91	Quyết định phê duyệt E-HSMT điều chỉnh	Trung tâm		
92	Biên bản mở thầu	Hệ thống đấu thầu		
93	Công văn làm rõ E-HSDT (nếu có)	Trung tâm		
94	Công văn gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu	Trung tâm		Phải trong thời hạn hiệu lực HSDT
95	Gia hạn bảo lãnh dự thầu tương ứng	Ngân hàng của nhà thầu		Phải trong thời hạn hiệu lực HSDT
96	Báo cáo đánh giá HSDT	Tư vấn		
97	Biên bản đối chiếu tài liệu	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục 4A thông tư 79/2025/TT-BTC	

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
98	Biên bản thương thảo hợp đồng	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục 4B thông tư 79/2025/TT-BTC	
99	Báo cáo thẩm định kết quả LCNT	Tổ thẩm định		
100	Quyết định phê duyệt kết quả LCNT	Trung tâm	Phụ lục 5 Thông tư 79/2025/TT-BTC	
101	Thông báo kết quả LCNT	Trung tâm		
102	Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Trung tâm		
103	Hợp đồng thi công; Các phụ lục điều chỉnh bổ sung hoặc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu (nếu có)	Trung tâm, nhà thầu	Phụ lục I Thông tư 02/2023/TT-BXD	Ghi rõ thời hạn thực hiện gói thầu; ghi rõ ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực
104	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	Ngân hàng của nhà thầu		
105	Bảo lãnh tạm ứng	Ngân hàng của nhà thầu		Phải thu hồi hết tạm ứng khi thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng
	Hồ sơ quản lý chất lượng			
106	Chấp thuận các nguồn cung vật liệu	Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu		
107	Biện pháp thi công, tiến độ thi công	Trung tâm; nhà thầu		
108	Kế hoạch ATLĐ, PCCC và VSMT	Trung tâm; nhà thầu		
109	Kế hoạch thí nghiệm	Trung tâm; nhà thầu		
110	Kế hoạch nghiệm thu	Trung tâm; nhà thầu		
111	Hồ sơ chất lượng CO, CQ vật liệu đầu vào (nếu có)	Nhà cung cấp		
112	Chứng chỉ xuất xưởng vật liệu đầu vào (nếu có)	Nhà cung cấp		
113	Tập BB lấy mẫu, Kết quả thí nghiệm vật liệu đầu vào (nếu có)	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
114	Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp		
115	Sổ nhật ký chạy thử máy móc, thiết bị (nếu có)	Trung tâm; nhà thầu		
116	Biên bản làm việc hiện trường	Trung tâm; nhà thầu		
117	Báo cáo của Nhà thầu (định kỳ)	Nhà thầu		
118	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
	<i>Biên bản nghiệm thu</i>	<i>Trung tâm; Đơn vị giám sát, nhà thầu</i>	<i>Mẫu số 07/TTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm, Tư vấn</i>	<i>Mẫu số 08/TTN</i>	
	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>	<i>Trung tâm</i>	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, nhà thầu</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, nhà thầu</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
119	Hóa đơn	Nhà thầu		
120	Thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Nhà thầu		
	Quyết toán			
121	Biên bản bàn giao hàng hóa	Trung tâm, nhà thầu, đơn vị sử dụng	Mẫu số 17/TTN	
122	Hồ sơ quyết toán hợp đồng A-B các gói thầu	Trung tâm; nhà thầu		
123	Báo cáo tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm	Trung tâm		
124	Tất toán công nợ	Trung tâm; nhà thầu		

Số TT	Nội dung công việc <i>(Theo trình tự thực hiện)</i>	Thẩm quyền ban hành	Mẫu văn bản	Ghi chú
125	Hồ sơ bảo hành (nếu có)	Nhà thầu		
126	Bảo lãnh bảo hành	Ngân hàng của nhà thầu		
127	Biên bản kiểm tra, xác nhận hoàn thành bảo hành	Trung tâm, nhà thầu, đơn vị sử dụng		
128	Kết luận thanh tra, kiểm toán	Cơ quan thẩm quyền		

4. Quy trình thực hiện gói thầu có giá không quá 50 triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
1	Báo cáo của tổ trực tiếp vận hành	Tổ vận hành		
2	Biên bản kiểm tra sơ bộ các nội dung, khối lượng thiết bị, máy móc cần sửa chữa	Phòng vận hành, Phòng kỹ thuật, Trạm trưởng	Mẫu số 01/TTTN	
3	Đơn đề xuất sửa chữa	Phòng vận hành, Trung tâm	Mẫu số 02/TTTN	
4	03 báo giá	Các nhà cung cấp		
5	Tờ trình phê duyệt giá thiết bị (nếu không có giá trong CBG của Liên Sở XD-TC)	Phòng kỹ thuật		
6	Báo cáo thẩm định giá thiết bị	Phòng HC-KT	Mẫu số 11/TTTN (Theo chương II thông tư 30/2024/TT-BTC)	
7	QĐ phê duyệt giá thiết bị	Trung tâm	Mẫu số 12/TTTN	
8	Tờ trình phê duyệt dự toán	Phòng kỹ thuật		
9	Báo cáo thẩm định dự toán	Phòng HC-KT	Mẫu số 06 Phụ lục X Thông tư 11/2021	
10	QĐ phê duyệt dự toán	Trung tâm	Vận dụng Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định 175/2024	
11	Hợp đồng	Trung tâm; Nhà thầu	Vận dụng Phụ lục I Thông tư 02/2023/TT-BXD	
12	Hồ sơ chất lượng CO, CQ vật liệu đầu vào (nếu có)	Nhà cung cấp		
13	Chứng chỉ xuất xưởng vật liệu đầu vào (nếu có)	Nhà cung cấp		
14	Tập BB lấy mẫu, Kết quả thí nghiệm vật liệu đầu vào (nếu có)	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp; tổ cơ khí		

Số TT	Nội dung công việc (Theo trình tự thực hiện)	Thẩm quyền ban hành văn bản	Mẫu văn bản đính kèm	Ghi chú
15	Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào	Kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát trực tiếp; tổ cơ khí		
16	Biên bản nghiệm thu công việc	Kỹ thuật thi công trực tiếp; Trạm trưởng; kỹ thuật của phòng vận hành; giám sát trực tiếp; tổ cơ khí		
17	Biên bản nghiệm thu hoàn thành	Trung tâm; Phòng kỹ thuật; nhà thầu; Trạm trưởng, Phòng vận hành; tổ cơ khí	Vận dụng Mẫu số 16/TTTN	
18	Biên bản bàn giao		Vận dụng Mẫu số 17/TTTN	
19	Hồ sơ thanh toán, quyết toán			
20	<i>Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán</i>	<i>Nhà thầu hoặc tổ cơ khí</i>		
21	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Nhà thầu hoặc tổ cơ khí</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	
22	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c; 08.a</i>	<i>Trung tâm, Nhà thầu hoặc tổ cơ khí</i>	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	
23	Hóa đơn	Nhà thầu		
24	Biên bản thanh lý hợp đồng	Trung tâm, Nhà thầu		

PHẦN B: MẪU VĂN BẢN TRONG CÁC QUY TRÌNH THỰC HIỆN

STT	Mẫu số	Nội dung
1	Mẫu số 01/DVCI	Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ tư vấn lập dự toán
2	Mẫu số 02/DVCI	Quyết định phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị
3	Mẫu số 03/DVCI	Quyết định thành lập tổ, phân công nhiệm vụ của cá nhân tham gia quản lý, giám sát
4	Mẫu số 04/DVCI (theo điều 143 NĐ 214/2025/NĐ-CP)	Phương án tự thực hiện
5	Mẫu số 05/DVCI	Quyết định phê duyệt phương án tự thực hiện
6	Mẫu số 06/DVCI	Văn bản giao việc
7	Mẫu số 07/DVCI	Sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải
8	Mẫu số 08/DVCI	Sổ nhật ký vận hành trạm bơm nước mưa
9	Mẫu số 09/DVCI	Sổ nhật ký nạo vét cống, hố ga
10	Mẫu số 10/DVCI	Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành tháng hoặc quý
11	Mẫu số 01/TTTN	Biên bản kiểm tra sơ bộ các nội dung, khối lượng nhiệm vụ cần thực hiện
12	Mẫu số 02/TTTN	Đơn đề xuất có chấp thuận của lãnh đạo Trung tâm
13	Mẫu số 03/TTTN (Điều 8 Nghị định 98/2025/NĐ-CP)	Nhiệm vụ và dự toán kinh phí nhiệm vụ
14	Mẫu số 04/TTTN (Theo Điều 30; 36 Nghị định 175/2024)	Nhiệm vụ lập Báo cáo KTKT
15	Mẫu số 05/TTTN	Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ lập Báo cáo KTKT
16	Mẫu số 06/TTTN (Điều 33, nghị định 214/2025/NĐ-CP)	QĐ Phê duyệt KQLCNT tư vấn
17	Mẫu số 07/TTTN	Biên bản nghiệm thu
18	Mẫu số 08/TTTN	Đơn đề nghị thanh toán, quyết toán

STT	Mẫu số	Nội dung
19	Mẫu số 09/TTN (Theo Điều 31 Nghị định 175/2024)	Phương án kỹ thuật khảo sát, dự toán khảo sát địa hình
20	Mẫu số 09/TTN	Quyết định phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát
21	Mẫu số 10/TTN (Theo Điều 33 Nghị định 175/2024)	Báo cáo khảo sát
22	Mẫu số 11/TTN	Báo cáo thẩm định giá thiết bị
23	Mẫu số 12/TTN	QĐ phê duyệt giá thiết bị
24	Mẫu số 13/TTN	Biên bản nghiệm thu công việc
25	Mẫu số 14/TTN	Biên bản nghiệm thu giai đoạn
26	Mẫu số 15/TTN	Biên bản làm việc hiện trường
27	Mẫu số 16/TTN	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình
28	Mẫu số 17/TTN	Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng
29	<i>Mẫu số 02.a/TT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	<i>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng mẫu 02.a</i>
30	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.a/TT NĐ-254/2025/NĐ-CP</i>	<i>Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành mẫu 03.a; 08.a</i>
31	<i>Mẫu số 08a nghị định 11/2020/NĐ-CP; Mẫu số 03.c/QT NĐ 254/2025/NĐ-CP</i>	<i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa CĐT và nhà thầu 03.c</i>
32	Mẫu số 01 Nghị định 175/2024/NĐ-CP	Tờ trình thẩm định BCKTKT
33	Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định 175/2024	Báo cáo kết quả thẩm định BC KTKT
34	Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định 175/2024	Quyết định phê duyệt BCKTKT
35	Mẫu số 10 (Theo PHỤ LỤC IIA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)	Nhật ký thi công
36	PHỤ LỤC IIB Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Hồ sơ bản vẽ hoàn công
37	Mẫu số 02A thông tư 79/2025/TT-BTC	Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
38	Mẫu số 02B thông tư 79/2025/TT-BTC	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
39	Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	Dự thảo hợp đồng tư vấn

STT	Mẫu số	Nội dung
40	Phụ lục 4C, thông tư 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II thông tư 02/2023/TT-BXD	Thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng tư vấn
41	Mẫu 05 Thông tư 05/2023/TT-BKHDT	Báo cáo đánh giá đầu tư khi điều chỉnh dự án
42	Phụ lục 01A thông tư 79/2025/TT-BTC	Tờ trình đề nghị phê duyệt E-HSMT
43	Mẫu số 03A Thông tư 80/2025/TT-BTC	Báo cáo thẩm định E-HSMT
44	Phụ lục 1B Thông tư 79/2025/TT-BTC	Quyết định phê duyệt E-HSMT
45	Phụ lục 4A thông tư 79/2025/TT-BTC	Biên bản đối chiếu tài liệu
46	Phụ lục 4B thông tư 79/2025/TT-BTC	Biên bản thương thảo hợp đồng thi công
47	Mẫu số 3C TT80/2025/TT-BTC	Báo cáo thẩm định KQLCNT
48	Phụ lục 5 Thông tư 79/2025/TT-BTC	Quyết định phê duyệt kết quả LCNT
49	Phụ lục I thông tư 02/2023/TT-BXD	Hợp đồng thi công